

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17/02/2025

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Cẩm Xuyên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thành Phước**;

2. Bà **Lê Hiếu Xuyên**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thanh Thúy** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2025/TLST-HNGĐ, ngày 21/01/2025 về việc “xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/01/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trương Đặng Hoàng L**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0907 266 910

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Khóm H, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0939 009 246

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Đặng Hoàng L trình bày: Tôi với anh D do mai mối nên tiến

tới chung sống từ năm 1996 có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn do không am hiểu pháp luật. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1997. Đến năm 2005, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Cuối năm 2005, vợ chồng ly thân và không còn quan tâm nhau nữa. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh D.

- *Về quan hệ con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1997 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có.

Tại tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày: Anh Dũng thống nhất với trình bày của chị L về quá trình chung sống và con chung, về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng thường hay cự cãi. Vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2005 cho đến nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên anh đồng ý ly hôn với chị L.

- *Về quan hệ con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1997 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Đặng Hoàng L và bị đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, mọi vấn đề có liên quan chị L và anh D đã trình bày đầy đủ, rõ ràng trong hồ sơ vụ án, ngoài ra chị L và anh D không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trương Đặng Hoàng L khởi kiện ly hôn đối với anh Nguyễn Văn D, tuy nhiên chị L trình bày vợ chồng chung sống không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại **khoản 7 Điều 28 của Bộ Luật tố tụng dân sự**. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện T, tỉnh An Giang nên theo quy định tại **Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự** thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Đặng Hoàng L và bị đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ **khoản 1 Điều 228 của BLTTDS** xét xử vụ án vắng mặt chị L và anh D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua quá trình giải quyết vụ án, lời khai của các đương sự và chứng cứ nguyên đơn cung cấp có thể xác định chị Trương Đặng Hoàng L và anh Nguyễn Văn D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống như vợ chồng, chị L và anh D không tin tưởng nhau, thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc thể hiện bằng việc anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2005 đến nay.

Xét thấy, chị L và anh D là những người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật đã chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, quan hệ của chị L và anh D không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ theo quy định tại **khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và tinh thần hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2020/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000** Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L mà giải quyết không công nhận chị L và anh D là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung, chị L và anh D có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1997. Hiện nay con chung đã trưởng thành, tự lao động được chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, **khoản 1 Điều 228**, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận chị Trương Đặng Hoàng L và anh Nguyễn Văn D là vợ chồng.

2. Về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con: Con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1997 hiện nay đã thành niên và không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động hoặc không có tài sản để tự nuôi mình và các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Đặng Hoàng L trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Trương Đặng Hoàng L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0021628 ngày 21/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Như vậy, chị L đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn D không phải chịu án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND xã Vĩnh Trạch, h. Thoại Sơn;
- UBND thị trấn Phú Hòa, h. Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Cẩm Xuyên